

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 02a - DN

Đơn vị báo cáo : CÔNG TY CP. HTKT & XNK SAVIMEX

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ : 194 Nguyễn Công Trứ - Quận I - HCM

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Quý I - Năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	114,214,518,815	61,238,246,033	114,214,518,815	61,238,246,033
Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu			81,812,899,670	33,786,100,325	81,812,899,670	33,786,100,325
Các khoản giảm trừ (03 = 04 + 05 + 06 + 07	02		-	4,923,936,965	-	4,923,936,965
- Hàng bán bị trả lại			-	4,923,936,965	-	4,923,936,965
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		114,214,518,815	56,314,309,068	114,214,518,815	56,314,309,068
Gia vốn hàng bán	11	VI.27	100,889,458,087	46,417,395,501	100,889,458,087	46,417,395,501
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		13,325,060,728	9,896,913,567	13,325,060,728	9,896,913,567
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	5,513,732,680	3,105,702,900	5,513,732,680	3,105,702,900
Chi phí tài chính	22	VI.28	3,375,171,781	1,915,754,899	3,375,171,781	1,915,754,899
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		2,482,527,411	491,161,794	2,482,527,411	491,161,794
Chi phí bán hàng	24		2,045,629,905	1,537,662,668	2,045,629,905	1,537,662,668
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9,955,748,258	8,688,111,161	9,955,748,258	8,688,111,161
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		3,462,243,464	861,087,739	3,462,243,464	861,087,739
Thu nhập khác	31		-	4,253,120,686	-	4,253,120,686
Chi phí khác	32		33,006,352	954,422,075	33,006,352	954,422,075
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(33,006,352)	3,298,698,611	(33,006,352)	3,298,698,611
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3,429,237,112	4,159,786,350	3,429,237,112	4,159,786,350
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	857,309,278	1,039,946,588	857,309,278	1,039,946,588
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60	VI.30	2,571,927,834	3,119,839,762	2,571,927,834	3,119,839,762
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		266	328	266	328

LẬP BIỂU

maianh

Trương thị Mai Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Kim Phuong

HOÀNG THỊ KIM PHƯƠNG



TRẦN VĂN TRÍ